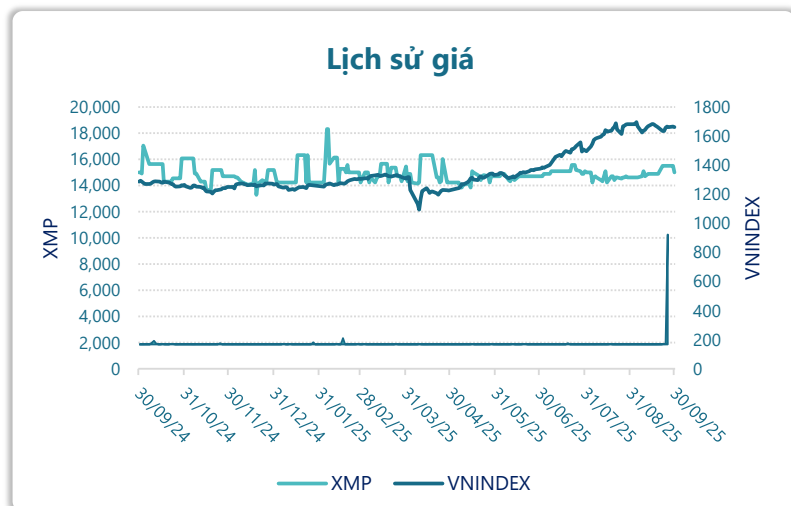


CTCP Thủy điện Xuân Minh (UPCOM: XMP)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,317
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,287
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,395
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	225
P/E	8.4
EPS	1,796

DT thuần
Q3/25

15.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00| -34.8%

YoY: ▲ 1.00| 7.1%

LN sau thuế
Q3/25

2.74

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.89| -71.5%

YoY: ▲ 1.27| 86.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

42.9%

+/- YoY: ▲ 2.1%

DT thuần
9T 2025

57.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.50| 12.8%

LN sau thuế
9T 2025

19.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.70| 78.9%

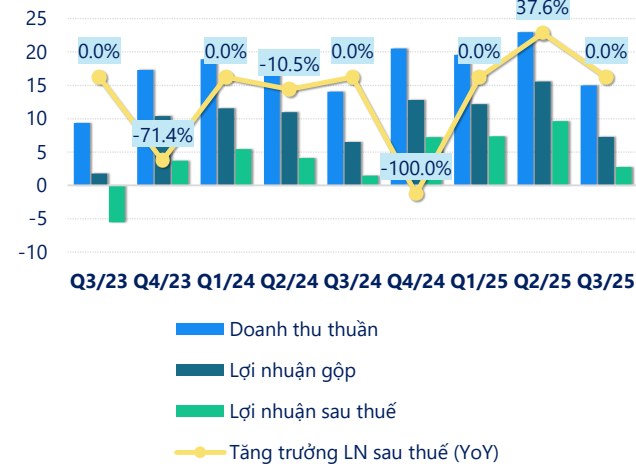
ROE
Q3/25

15.0%

+/- YoY: ▲ 6.6%

tỷ VNĐ

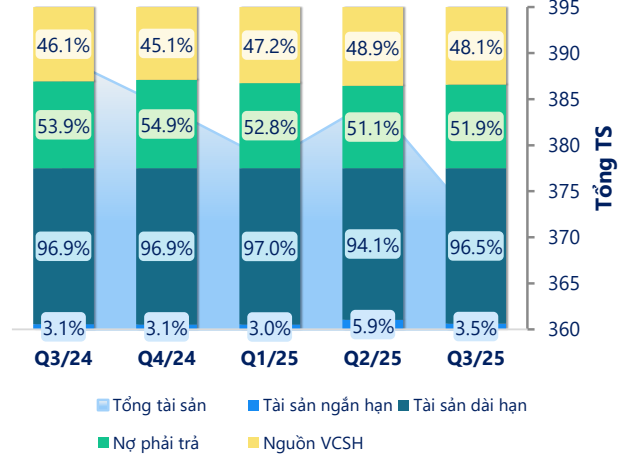
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

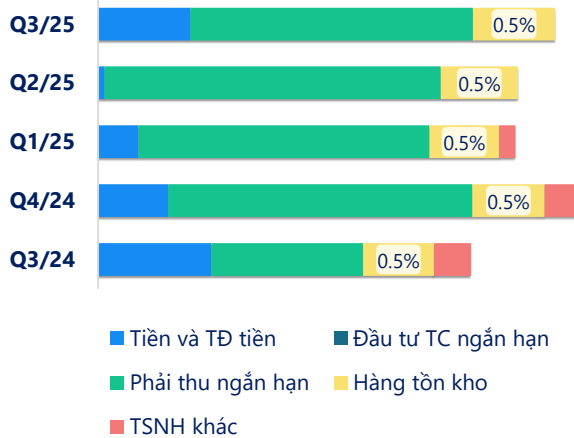
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



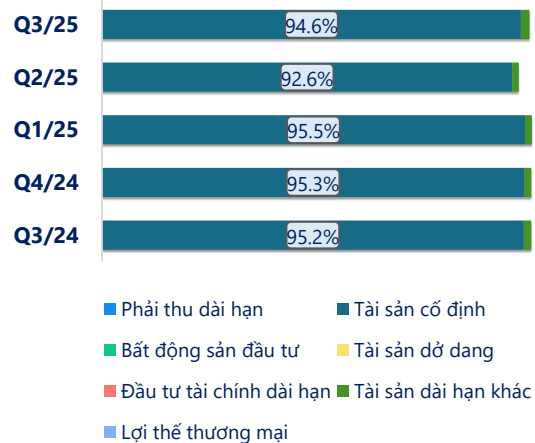
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

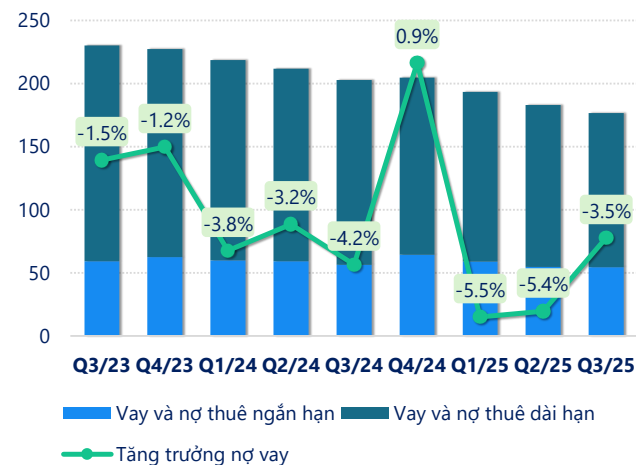
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

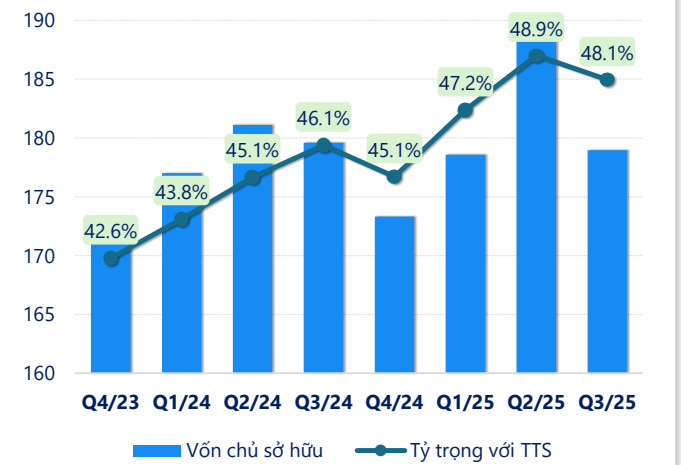
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

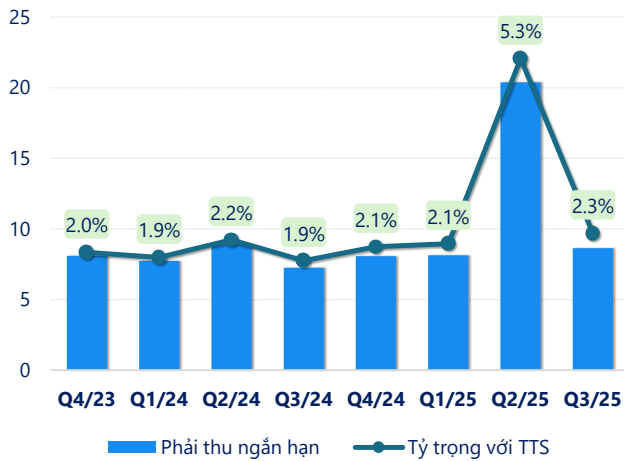
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



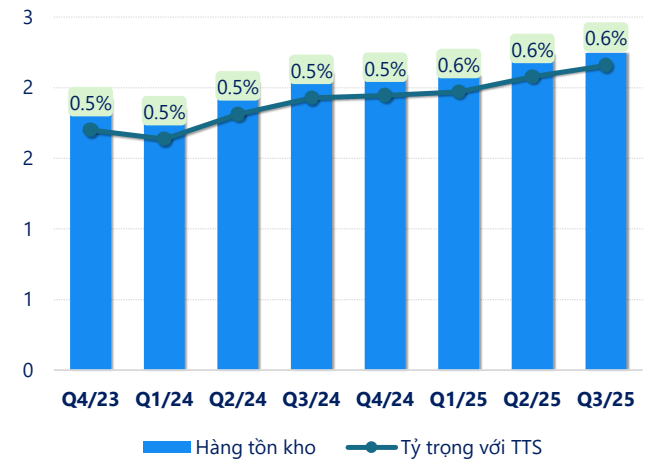
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


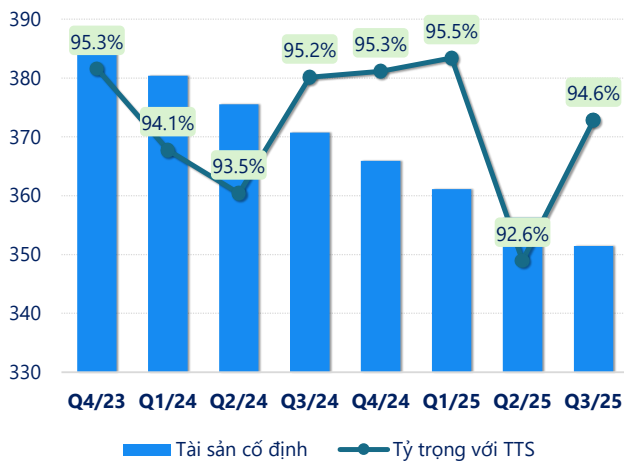
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


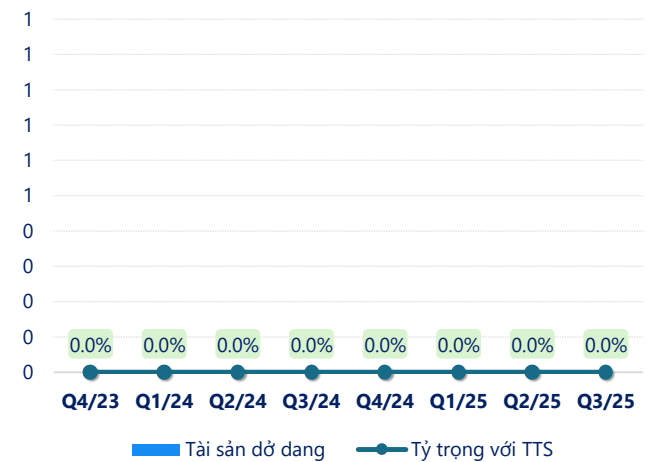
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

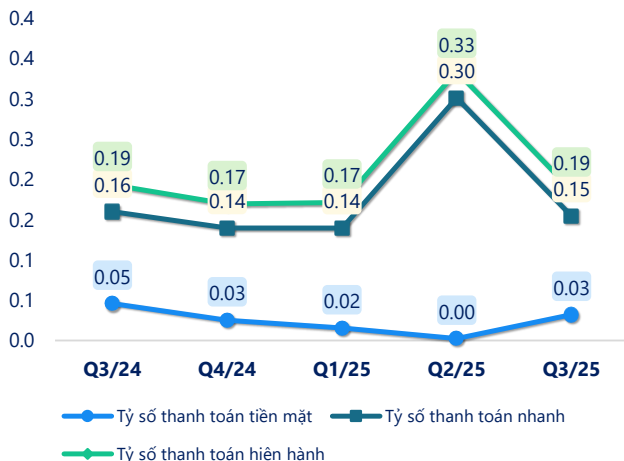
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

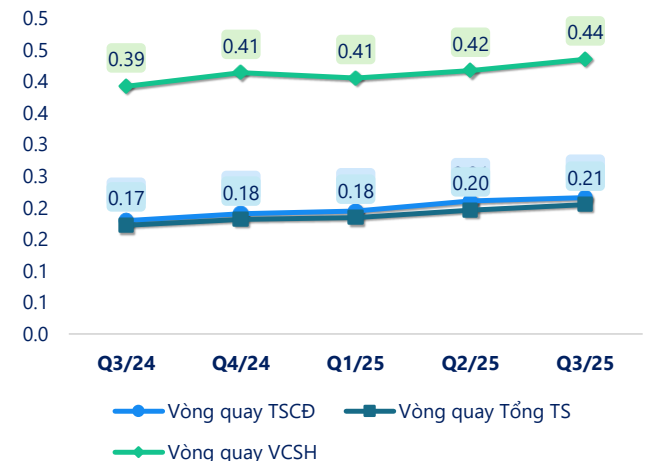
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	389	384	378	385	372
Tài sản ngắn hạn	12.3	11.9	11.2	22.8	13.2
Tiền và tương đương tiền	2.91	1.77	1.01	0.16	2.26
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	7.24	8.06	8.12	20.4	8.64
Hàng tồn kho	2.10	2.09	2.09	2.24	2.24
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0.05	0
Tài sản dài hạn	377	372	367	362	359
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	371	366	361	356	351
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6.54	6.27	6.00	5.73	7.05
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	210	211	200	197	193
Nợ ngắn hạn	63.4	70.3	65.4	68.3	70.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	56.3	64.3	59.0	54.7	54.4
Phải trả người bán ngắn hạn	0.60	0.19	1.26	2.32	1.32
Nợ dài hạn	147	140	134	128	122
Vay và nợ thuê dài hạn	147	140	134	128	122
Nguồn vốn chủ sở hữu	180	173	179	188	179
Vốn chủ sở hữu	180	173	179	188	179
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)